

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



Signature invalid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN PHÁT ĐẠT
Ký ngày: 14/8/2018 19:56:57



Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 41



Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 9 năm 2004, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/ Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh.

Vào ngày 5 tháng 6 năm 2018, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 25 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 2.219.909.230.000 VND lên 2.663.890.070.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã PDR theo Giấy phép Niêm yết số 1207/SGDHCM-NY do SGDCKHCM cấp ngày 9 tháng 7 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là xây dựng và mua bán nhà ở; xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và cầu đường; cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và quản lý bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 422, Đường Đào Trí, Khu phố 1, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Đạt	Chủ tịch
Bà Trần Thị Hương	Thành viên
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên
Ông Đoàn Viết Đại Từ	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Danh	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Tôn Ngọc Tiến	Trưởng ban
Bà Nguyễn Ái Linh	Thành viên
Bà Võ Thị Minh Hằng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trọng Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Anh Vũ	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Đạt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Văn Đạt
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 60822566/20264313/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

UB
NH
T
T
P

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

1180
IG T
EM H
& YO
NAM
10C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

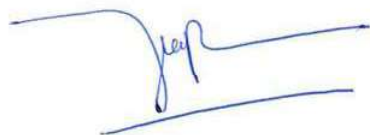
VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.000.028.532.778	7.860.010.625.298
110	I. Tiền	5	15.209.202.047	144.054.693.984
111	1. Tiền		15.209.202.047	144.054.693.984
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.503.775.509.685	1.578.903.070.849
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	502.280.037.677	236.287.708.511
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	835.963.880.509	690.230.052.651
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	169.344.674.373	656.526.367.981
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(3.813.082.874)	(4.141.058.294)
140	III. Hàng tồn kho	9	6.451.204.823.364	6.089.786.830.966
141	1. Hàng tồn kho		6.451.204.823.364	6.089.786.830.966
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		29.838.997.682	47.266.029.499
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	8.122.727.085	2.355.117.576
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18	8.640.516.908	35.849.517.006
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	13.075.753.689	9.061.394.917
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.179.276.769.935	2.088.844.517.292
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.269.387.201.900	1.459.408.639.650
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	136.493.450.000	159.372.177.750
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.132.893.751.900	1.300.036.461.900
220	II. Tài sản cố định		14.704.341.352	8.058.761.804
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	9.666.037.019	2.760.319.809
222	Nguyên giá		16.169.451.925	8.527.551.925
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(6.503.414.906)	(5.767.232.116)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	5.038.304.333	5.298.441.995
228	Nguyên giá		7.028.037.476	7.028.037.476
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.989.733.143)	(1.729.595.481)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	186.871.066.696	187.656.326.218
231	1. Nguyên giá		189.664.270.272	189.664.270.272
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(2.793.203.576)	(2.007.944.054)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		773.682.677.015	66.911.660.005
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	773.682.677.015	66.911.660.005
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	15	-	345.228.665.217
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15.1	-	293.748.665.217
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.2	-	51.480.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		934.631.482.972	21.580.464.398
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	934.187.279.076	21.067.019.225
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	444.203.896	513.445.173
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		11.179.305.302.713	9.948.855.142.590

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.069.017.299.278	7.121.973.655.093
310	I. Nợ ngắn hạn		1.384.337.677.778	1.080.841.341.631
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	35.324.982.178	100.187.824.622
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	49.753.033.955	701.189.815.134
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	13.728.616.472	44.356.017.704
314	4. Phải trả người lao động		4.869.449.391	3.703.172.029
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	95.585.304.430	100.108.893.586
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	276.177.108.567	71.095.134.376
320	7. Vay ngắn hạn	21	888.041.037.170	47.196.419.134
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	20.858.145.615	13.004.065.046
330	II. Nợ dài hạn		6.684.679.621.500	6.041.132.313.462
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	6.684.679.621.500	6.041.132.313.462
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.110.288.003.435	2.826.881.487.497
410	I. Vốn chủ sở hữu		3.110.288.003.435	2.826.881.487.497
411	1. Vốn cổ phần	23.1	2.663.890.070.000	2.219.909.230.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.663.890.070.000	2.219.909.230.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	11.680.300.000	11.680.300.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	23.1	124.713.584.076	102.713.584.076
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	244.528.049.359	492.578.373.421
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		4.597.533.421	54.146.503.375
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		239.930.515.938	438.431.870.046
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24	65.476.000.000	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		11.179.305.302.713	9.948.855.142.590



Võ Văn Giáp
Người lập



Vũ Quỳnh Hoa
Kế toán trưởng



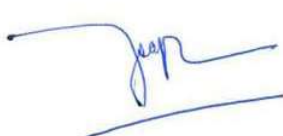

Nguyễn Văn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	453.107.446.715	668.627.952.871
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	(9.680.150.513)	(80.037.238.870)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	443.427.296.202	588.590.714.001
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(164.366.696.834)	(362.097.877.759)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		279.060.599.368	226.492.836.242
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		2.296.005.818	325.991.925
22	7. Chi phí tài chính		-	(865.110.001)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	(625.110.001)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết		-	(1.684.731.322)
25	9. Chi phí bán hàng	27	(26.346.669.323)	(46.933.333.081)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(35.693.456.526)	(22.876.586.499)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		219.316.479.337	154.459.067.264
31	12. Thu nhập khác	29	65.713.440.237	6.704.476.758
32	13. Chi phí khác		(760.815.631)	(3.323.136.164)
40	14. Lợi nhuận khác		64.952.624.606	3.381.340.594
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		284.269.103.943	157.840.407.858
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(43.469.346.728)	(32.063.000.427)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.3	(69.241.277)	(73.114.537)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		240.730.515.938	125.704.292.894
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		240.730.515.938	125.704.292.894
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	23.3	855	443
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	23.3		443



Võ Văn Giáp
Người lập



Vũ Quỳnh Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

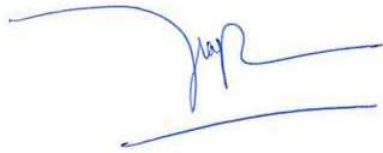
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		284.269.103.943	157.840.407.858
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư	11, 12, 13	1.781.579.974	1.095.526.884
03	Hoàn nhập dự phòng		(327.975.420)	(230.000)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.296.005.818)	(325.991.925)
06	Chi phí lãi vay		-	625.110.001
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		283.426.702.679	159.234.822.818
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		518.907.470.545	(109.242.157.085)
10	Tăng hàng tồn kho		(511.987.718.341)	(191.974.281.253)
11	Tăng các khoản phải trả		107.592.858.109	1.052.869.464.263
12	Tăng chi phí trả trước		(918.887.869.360)	(5.339.923.926)
14	Tiền lãi vay đã trả		(11.470.506.406)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(72.312.358.007)	(56.010.549.474)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	22	(14.145.919.431)	(4.257.345.200)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(618.877.340.212)	845.280.030.143
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(9.156.490.284)	(20.329.090.458)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(689.180.950.512)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		347.480.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng		44.671.035	325.991.925
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(350.812.769.761)	(20.003.098.533)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	888.041.037.170	-
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(47.196.419.134)	(861.996.256.905)
36	Cổ tức đã trả		-	(116.625.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		840.844.618.036	(862.112.881.905)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(128.845.491.937)	(36.835.950.295)
60	Tiền đầu kỳ		144.054.693.984	149.428.415.321
70	Tiền cuối kỳ	5	15.209.202.047	112.592.465.026



Võ Văn Giáp
Người lập



Vũ Quỳnh Hoa
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 9 năm 2004, và theo các GCNĐKKD/ Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh.

Vào ngày 5 tháng 6 năm 2018, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 25 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 2.219.909.230.000 VND lên 2.663.890.070.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã PDR theo Giấy phép Niêm yết số 1207/SGDHCM-NY do SGDCKHCM cấp ngày 9 tháng 7 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là xây dựng và mua bán nhà ở; xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và cầu đường; và cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và quản lý bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 422, Đường Đào Trí, Khu phố 1, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 201 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 170).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có bốn công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty:

Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Phát Đạt ("Đầu tư Phát Đạt")

Đầu tư Phát Đạt là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313241765 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 2015 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Đầu tư Phát Đạt có trụ sở chính đăng ký tại Số 422, Đường Đào Trí, Khu phố 1, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Đầu tư Phát Đạt là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuê chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này.

Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Phú Hưng ("Phú Hưng")

Phú Hưng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313558191 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 12 năm 2015 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Phú Hưng có trụ sở chính đăng ký tại Số 30 Đường Nguyễn Thị Diệu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Phú Hưng là kinh doanh bất động sản. Vào ngày 26 tháng 4 năm 2018, Phú Hưng nhận được GCNĐKDN điều chỉnh do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc chuyển đổi hình thức kinh doanh của Phú Hưng từ công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty Cổ phần ĐK Phú Quốc ("ĐK Phú Quốc")

ĐK Phú Quốc là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1701522101 do Sở KH&ĐT Tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22 tháng 4 năm 2011 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. ĐK Phú Quốc có trụ sở chính đăng ký tại Tổ 17, Lô C, Khu phố 5, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam. Hoạt động chính của ĐK Phú Quốc là kinh doanh bất động sản.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty nắm giữ 99% vốn sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này.

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Coinin ("Coinin")

Coinin là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313662185 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 2 năm 2016 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Coinin có trụ sở chính đăng ký tại Số 271/16 Đường An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Coinin là kinh doanh bất động sản.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty nắm giữ 80% vốn sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí kế hoạch, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 – 7 năm
Phương tiện vận tải	3 – 6 năm
Quyền sử dụng đất	49 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà cửa hoặc một phần nhà cửa hoặc cả hai và cơ sở hạ tầng được đầu tư nhằm mục đích thu tiền cho thuê hoặc tăng giá trị hoặc cả hai hơn là phục vụ cho mục đích sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ; nhằm mục đích hành chính hoặc kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường.

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

25 – 45 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.7 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ các khoản được vốn hóa nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở công ty nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ được ghi nhận vào các quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất giữa niên độ thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày theo giá gốc

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của Hội đồng Quản trị) phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi HĐQT của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán căn hộ

Đối với các căn hộ mà Nhóm Công ty bán sau khi đã hoàn tất việc xây dựng, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến căn hộ đã được chuyển giao sang người mua, thường là trùng với việc bàn giao căn hộ hoặc khi quá hạn 7 ngày kể từ ngày đến hạn trong thông báo bàn giao căn hộ.

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được xác định là tổng số tiền được nhận khi đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê

Các khoản doanh thu tiền thuê phải thu dưới hình thức thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê, ngoại trừ các khoản thu nhập cho thuê bất thường được ghi nhận khi phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền được thu hồi từ hoặc dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho niên độ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là xây dựng và mua bán nhà ở; xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và cầu đường; cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và quản lý bất động sản. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty xây dựng nên hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

4.1 Mua thêm cổ phần của Phú Hưng

Vào ngày 1 tháng 2 năm 2018, Nhóm Công ty đã mua thêm 50,1% quyền sở hữu trong Phú Hưng với giá phí là 50.000.000.000 VND, nâng tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Phú Hưng từ 49,9% lên 100%. Theo đó, Phú Hưng từ công ty liên kết trở thành công ty con của Nhóm Công ty.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Phú Hưng tại ngày mua được trình bày như sau:

Giá trị hợp lý ghi nhận
tại ngày mua
VND

Tài sản

Tiền	432.828.416
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.550.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	17.100.001
Phải thu ngắn hạn khác	44.681.759.697
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	15.527.689.611
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	4.453.660.760
	67.663.038.485

Nợ phải trả

Các khoản phải trả ngắn hạn	3.357.142.693
Các khoản phải trả dài hạn	14.305.895.792
	17.663.038.485

Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý

	50.000.000.000
Cổ đông không kiểm soát	50.000.000.000
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất	-

Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán

50.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.2 Mua ĐK Phú Quốc và Coinin

Vào ngày 9 tháng 3 năm 2018, Công ty đã mua 7.029.000 cổ phiếu, tương đương với 99% quyền sở hữu trong ĐK Phú Quốc từ các cá nhân với giá phí là 393.624.000.000 VND. Theo đó, ĐK Phú Quốc đã trở thành công ty con của Nhóm Công ty vào ngày này.

Vào ngày 19 tháng 3 năm 2018, Công ty đã mua 80% tỷ lệ sở hữu trong Coinin với giá phí là 246.000.000.000 VND. Theo đó, Coinin đã trở thành công ty con của Nhóm Công ty vào ngày này.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá phí mua như nêu trên thể hiện giá trị hợp lý của các dự án sở hữu bởi các công ty con này. Ban Tổng Giám đốc xử lý các nghiệp vụ mua này như là nghiệp vụ mua tài sản và không xem là nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh vì các công ty con này chỉ sở hữu các dự án bất động sản hoặc chỉ có các dự án phát triển bất động sản trong tương lai và chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

5. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền mặt	89.656.284	87.679.956
Tiền gửi ngân hàng	15.119.545.763	143.967.014.028
TỔNG CỘNG	15.209.202.047	144.054.693.984

Thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ:		
Các khoản nợ được chuyển thành đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	103.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn	502.280.037.677	236.287.708.511
Phải thu các bên khác	419.816.176.100	175.235.626.934
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Minh Hoàng ("Minh Hoàng")	108.958.362.714	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Toàn Tâm ("Toàn Tâm")	45.195.474.250	48.744.884.500
- Công ty Cổ phần Tư vấn - Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Thiên Minh ("Thiên Minh")	23.326.268.996	-
- Công ty TNHH Bất động sản Xuân Thành	22.316.027.000	37.899.663.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vĩnh Hội	19.800.000.000	26.400.000.000
- Khách hàng khác	200.220.043.140	62.191.079.434
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 31)	82.463.861.577	61.052.081.577
Dài hạn	136.493.450.000	159.372.177.750
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 31)	117.000.000.000	117.000.000.000
Phải thu bên khác - Toàn Tâm	19.493.450.000	42.372.177.750
TỔNG CỘNG	638.773.487.677	395.659.886.261
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.813.082.874)	(4.141.058.294)
GIÁ TRỊ THUẦN	634.960.404.803	391.518.827.967

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Số đầu kỳ	4.141.058.294	3.885.795.294
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(327.975.420)	(230.000)
Số cuối kỳ	3.813.082.874	3.885.565.294

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Hoàng (*)	223.000.000.000	223.000.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Tam Bình (*)	200.000.000.000	200.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Đèn bù Giải tỏa	174.553.080.335	174.340.420.229
Công ty Cổ phần Đức Khải	121.051.706.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Toàn Thuận Phát	68.563.094.183	68.237.428.763
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vĩnh Hội	30.000.000.000	-
Khác	18.795.999.991	24.652.203.659
TỔNG CỘNG	835.963.880.509	690.230.052.651

(*) Đây là các khoản tạm ứng liên quan đến việc đầu tư và hợp tác xây dựng dự án Cảng trung chuyển ICD tại Phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn	169.344.674.373	656.526.367.981
Phải thu bên khác	105.997.189.717	48.617.982.678
- Minh Hoàng	65.000.000.000	-
- Khác	40.997.189.717	48.617.982.678
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	60.797.484.656	-
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 31)	2.550.000.000	607.908.385.303
Dài hạn	1.132.893.751.900	1.300.036.461.900
Phải thu bên khác	905.554.000.000	1.072.696.710.000
- Công ty Cổ phần Đoàn Ánh Dương Phú Quốc ("Đoàn Ánh Dương") (i)	476.000.000.000	476.000.000.000
- Minh Hoàng (ii)	382.000.000.000	500.000.000.000
- Công ty Cổ phần Khu Du lịch và Khách sạn Phát Đạt - Quảng Ngãi	9.000.000.000	18.000.000.000
- Khác	38.554.000.000	78.696.710.000
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 31)	227.339.751.900	227.339.751.900
- Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải biển Trường Phát Lộc ("Trường Phát Lộc") (iii)	126.400.000.000	126.400.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ T.A.M ("T.A.M") (iv)	100.939.751.900	100.939.751.900
TỔNG CỘNG	1.302.238.426.273	1.956.562.829.881

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(i) Vào ngày 18 tháng 12 năm 2017, Nhóm Công ty đã ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư ("HĐHTĐT") số 01/2017/HĐHTĐT/ĐAD-PĐ với Đoàn Ánh Dương liên quan đến việc xây dựng, khai thác và kinh doanh dự án Khu du lịch sinh thái Vũng Bầu tọa lạc tại Xã Cửa Cạn, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang với tổng giá trị là 1.727.000.000.000 VND. Theo HĐHTĐT:

- a. Phần lợi nhuận sau thuế của dự án sẽ được phân chia theo tỷ lệ đóng góp tài chính của các bên.
- b. Đoàn Ánh Dương cam kết sẽ thanh toán cho Nhóm Công ty một phần lợi nhuận mỗi năm là 20% trên phần vốn góp của Nhóm Công ty vào dự án.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty đã góp 476.000.000.000 VND.

(ii) Vào ngày 8 tháng 12 năm 2017, Nhóm Công ty đã ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") số 01/2017/HĐHTKD/MH-PĐ với Minh Hoàng liên quan đến việc khai thác kinh doanh sàn thương mại, căn hộ và văn phòng của dự án Millennium tọa lạc tại Số 132, Đường Bến Vân Đồn, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ("dự án Millennium") với tổng giá trị là 628.822.606.040 VND và hưởng lợi nhuận sau thuế thực tế phát sinh từ việc kinh doanh nêu trên theo tỷ lệ vốn góp. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nhóm Công ty đã góp 500.000.000.000 VND. Trong kỳ, Nhóm Công ty đã thu hồi 132.000.000.000 VND sau khi góp thêm 14.000.000.000 VND và hưởng lợi nhuận được chia với số tiền là 65.000.000.000 VND (Thuyết minh số 29).

(iii) Vào ngày 8 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đã ký kết HĐHTĐT với Trường Phát Lộc liên quan đến việc phát triển dự án Millennium thời hạn 3 năm với tổng giá trị là 883.000.000.000 VND. Theo đó, Nhóm Công ty được hưởng lợi nhuận sau thuế thực tế phát sinh từ dự án nhưng không thấp hơn khoản đầu tư ban đầu. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty đã góp 126.400.000.000 VND.

(iv) Vào ngày 2 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty đã ký kết HĐHTĐT số 01/HĐ-2016/PĐ-T.A.M với T.A.M liên quan đến việc phát triển dự án tọa lạc tại Số 239, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thời hạn 3 năm. Theo HĐHTĐT, Nhóm Công ty đã góp 100.939.751.900 VND và sẽ nhận lợi nhuận sau thuế thực tế phát sinh từ dự án. Vào ngày 25 tháng 12 năm 2017, hai bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng trước thời hạn. Theo đó, Nhóm Công ty đã chuyển giao toàn bộ quyền phát triển dự án này cho T.A.M và thu lại phần vốn góp ban đầu cùng với phần lãi thỏa thuận với số tiền là 180.000.000.000 VND. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty đã thu hồi được phần lãi thỏa thuận.

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bất động sản (*)	6.450.728.658.101	6.089.306.979.559
Hàng hóa	476.165.263	479.851.407
TỔNG CỘNG	<u>6.451.204.823.364</u>	<u>6.089.786.830.966</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

(*) Bất động sản chủ yếu là giá trị quý đất đã được bồi thường, chi phí san lấp mặt bằng, chi phí xây dựng và các chi phí đầu tư cho các dự án bất động sản đang triển khai sau đây:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Dự án The EverRich 2 (i)	4.305.403.634.729	4.290.528.718.898
Dự án The EverRich 3 (ii)	1.956.460.512.202	1.545.661.117.204
Dự án Trung tâm TDTT Phan Đình Phùng (iii)	68.364.480.421	40.568.907.458
Dự án Bàu Cả – Quảng Ngãi (iv)	59.023.046.432	19.845.061.918
Dự án Nhà Bè (v)	42.375.766.621	42.375.766.621
Dự án The EverRich Infinity (vi)	8.222.773.972	143.905.122.710
Các dự án khác	10.878.443.724	6.422.284.750
TỔNG CỘNG	<u>6.450.728.658.101</u>	<u>6.089.306.979.559</u>

Các dự án The EverRich 2 và The EverRich 3 đã được thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam để bảo lãnh cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 21).

Chi phí lãi vay phát sinh cho việc đầu tư, phát triển các dự án đã được vốn hóa trong kỳ với số tiền là 16.217.226.847 VND (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 231.711.333.707 VND).

(i) *Dự án The EverRich 2 (trước đây là dự án River City)*

Dự án này tọa lạc tại Số 422, Đường Đào Trí, Khu phố 1, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Số dư cuối kỳ của dự án này chủ yếu bao gồm tiền bồi thường đất, chi phí lãi vay và chi phí xây dựng. Dự án này đã được xây dựng xong phần móng cọc cho khối nhà A, B, C, D và đang được thi công móng cọc cho khối nhà L.

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2018, Nhóm Công ty đã ký Biên bản Thanh lý các HĐHTKD với Công ty Cổ phần Tư vấn CRE & AGI ("CRE & AGI") và Phú Hưng liên quan đến việc hợp tác đầu tư để xây dựng và quản lý kinh doanh dự án The EverRich 2. Theo đó, Nhóm Công ty có nghĩa vụ bồi thường cho CRE & AGI và Phú Hưng với số tiền lần lượt là 350.000.000.000 VND và 565.331.115.914 VND. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính này và đang trong quá trình hoàn thiện các yêu cầu theo quy định của Nhà nước để đủ điều kiện chuyển nhượng dự án theo HĐHTĐT số 01/HĐHTĐT-E2/2017 ngày 26 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh số 20).

(ii) *Dự án The EverRich 3*

Dự án này tọa lạc tại Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Số dư cuối kỳ của dự án này chủ yếu bao gồm tiền bồi thường đất, chi phí thiết kế, san lấp mặt bằng, chi phí lãi vay và chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các yêu cầu theo quy định của Nhà nước để đủ điều kiện chuyển nhượng dự án theo HĐHTĐT số 01/HĐHTĐT-E3/2017 ngày 26 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh số 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

(*) Bất động sản chủ yếu là giá trị quý đất đã được bồi thường, chi phí san lấp mặt bằng, chi phí xây dựng và các chi phí đầu tư cho các dự án bất động sản đang triển khai sau đây: (tiếp theo)

(iii) *Dự án Trung tâm TDTT Phan Đình Phùng*

Dự án này tọa lạc tại Số 8, Đường Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao. Vào ngày 2 tháng 1 năm 2018, Nhóm Công ty đã được phê duyệt về việc lựa chọn nhà đầu tư liên danh theo Quyết định số 01/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Số dư cuối kỳ của dự án này chủ yếu bao gồm phí tư vấn, khảo sát, quản lý và bảo lãnh thực hiện dự án.

(iv) *Dự án Bàu Cả – Quảng Ngãi*

Dự án này tọa lạc tại Phường Lê Hồng Phong và Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi. Số dư cuối kỳ của dự án này chủ yếu bao gồm tiền bồi thường đất.

(v) *Dự án Nhà Bè*

Dự án này tọa lạc tại Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Số dư cuối kỳ của dự án này chủ yếu bao gồm tiền bồi thường đất.

(vi) *Dự án The EverRich Infinity*

Dự án này tọa lạc tại Số 290, Đường An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Số dư cuối kỳ của dự án này chủ yếu bao gồm chi phí xây dựng cho phần hầm. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, dự án đã hoàn thành và Nhóm Công ty đã bàn giao toàn bộ các căn hộ cho khách hàng theo hợp đồng mua bán đã ký.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn	8.122.727.085	2.355.117.576
Chi phí quảng cáo	5.463.846.016	1.720.444.999
Khác	2.658.881.069	634.672.577
Dài hạn	934.187.279.076	21.067.019.225
Chi phí bồi thường dự án The EverRich 2 (*)	915.331.115.914	-
Chi phí quản lý căn hộ	13.235.876.378	11.711.809.547
Chi phí quảng cáo	4.088.689.199	4.871.306.448
Chi phí hoa hồng môi giới	-	3.801.263.949
Khác	1.531.597.585	682.639.281
TỔNG CỘNG	942.310.006.161	23.422.136.801

(*) Đây là chi phí bồi thường cho CRE & AGI và Phú Hưng theo Biên bản Thanh lý ngày 8 tháng 2 năm 2018 (Thuyết minh số 9) để hoàn thiện một phần điều kiện pháp lý trước khi chuyển nhượng dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND		
	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.301.132.387	5.226.419.538	8.527.551.925
Mua mới	-	7.641.900.000	7.641.900.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>3.301.132.387</u>	<u>12.868.319.538</u>	<u>16.169.451.925</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	2.135.834.294	2.966.637.720	5.102.472.014
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	(2.288.082.466)	(3.479.149.650)	(5.767.232.116)
Khấu hao trong kỳ	(185.125.438)	(551.057.352)	(736.182.790)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>(2.473.207.904)</u>	<u>(4.030.207.002)</u>	<u>(6.503.414.906)</u>
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>1.013.049.921</u>	<u>1.747.269.888</u>	<u>2.760.319.809</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>827.924.483</u>	<u>8.838.112.536</u>	<u>9.666.037.019</u>

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất (*)</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2018	5.059.556.440	1.968.481.036	7.028.037.476
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	718.481.036	718.481.036
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	(837.503.335)	(892.092.146)	(1.729.595.481)
Hao mòn trong kỳ	(51.804.330)	(208.333.332)	(260.137.662)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>(889.307.665)</u>	<u>(1.100.425.478)</u>	<u>(1.989.733.143)</u>
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>4.222.053.105</u>	<u>1.076.388.890</u>	<u>5.298.441.995</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>4.170.248.775</u>	<u>868.055.558</u>	<u>5.038.304.333</u>

(*) Đây là khu đất tọa lạc tại Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi và có thời hạn sử dụng tới năm 2058.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
và ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>120.446.972.991</u>	<u>69.217.297.281</u>	<u>189.664.270.272</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	(2.007.944.054)	(2.007.944.054)
Khấu hao trong kỳ	-	(785.259.522)	(785.259.522)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	-	<u>(2.793.203.576)</u>	<u>(2.793.203.576)</u>
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>120.446.972.991</u>	<u>67.209.353.227</u>	<u>187.656.326.218</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>120.446.972.991</u>	<u>66.424.093.705</u>	<u>186.871.066.696</u>

Quyền sử dụng đất của Nhóm Công ty bao gồm:

- i) quyền sử dụng đất vô thời hạn với giá trị 113.140.000.000 VND tọa lạc tại Số 131, Đường Nguyễn Trãi, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ii) quyền sử dụng đất vô thời hạn với giá trị 7.306.972.991 VND tương ứng với quyền sở hữu tầng hầm B1 và B2 tại dự án The EverRich 1, Số 968, Đường Ba Tháng Hai, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2018. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá trị trường của các khu đất liền kề, Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty tin tưởng rằng giá trị thị trường của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Dự án Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Nội bộ khu Cổ đại tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	396.750.627.778	-
Dự án Cụm công nghiệp Hàm Ninh và Khu dân cư Làng nghề và Trung tâm xã Hàm Ninh, Phú Quốc	308.505.798.948	-
Khu nghỉ dưỡng và Khách sạn năm sao Phú Quốc	53.732.479.734	53.732.479.734
Bệnh viện chấn thương chỉnh hình	7.032.367.645	-
Khác	<u>7.661.402.910</u>	<u>13.179.180.271</u>
TỔNG CỘNG	<u>773.682.677.015</u>	<u>66.911.660.005</u>

Chi phí lãi vay phát sinh tài trợ cho việc đầu tư, phát triển các dự án đã được vốn hóa trong kỳ với số tiền là 818.071.265 VND (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 1.410.651.144 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 15.1</i>)	-	293.748.665.217
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 15.2</i>)	-	<u>51.480.000.000</u>
TỔNG CỘNG	-	<u>345.228.665.217</u>

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 được trình bày như sau:

	Công ty TNHH Bất Động Sản Điện Gia Khang (*)	Công ty TNHH Bất Động Sản Điện Gia Khánh (*)	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt Ảnh Dương (*)	Phú Hưng (Thuyết minh số 4.1)	VND
Giá trị đầu tư:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	176.000.000.000	75.000.000.000	45.000.000.000	-	296.000.000.000
Thanh lý	(176.000.000.000)	(75.000.000.000)	(45.000.000.000)	-	(296.000.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	-	-	-	-	-
Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	-	-	(2.251.334.783)	(2.251.334.783)
Hợp nhất kinh doanh	-	-	-	2.251.334.783	2.251.334.783
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	176.000.000.000	75.000.000.000	45.000.000.000	(2.251.334.783)	293.748.665.217
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	-	-	-	-	-

(*) Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty đã thanh lý và thu hồi toàn bộ các khoản đầu tư vào các công ty này theo giá trị còn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	% sở hữu	Số tiền VND	% sở hữu	Số tiền VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu Mỹ Lợi	-	-	19,8	51.480.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty đã thanh lý và thu hồi toàn bộ khoản đầu tư này theo giá gốc.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	15.837.623.942	86.545.894.373
Công ty Cổ phần Bất động sản Nam Hưng	4.522.872.466	-
Khác	14.964.485.770	13.641.930.249
TỔNG CỘNG	35.324.982.178	100.187.824.622

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Thiên Minh	30.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Big Gain ("Big Gain")	-	595.141.256.792
Khác	19.753.033.955	106.048.558.342
TỔNG CỘNG	49.753.033.955	701.189.815.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

				VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Tăng	Giảm	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.296.256.485	43.469.346.728	(72.745.503.595)	13.020.099.618
Thuế thu nhập cá nhân	2.042.522.396	4.546.316.837	(5.880.322.379)	708.516.854
Thuế giá trị gia tăng	17.238.823	35.394.361.993	(35.411.600.816)	-
Khác	-	1.137.640.740	(1.137.640.740)	-
TỔNG CỘNG	44.356.017.704	84.547.666.298	(115.175.067.530)	13.728.616.472
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.061.394.917	4.403.695.942	(433.145.588)	13.031.945.271
Thuế giá trị gia tăng	35.849.517.006	10.167.437.182	(37.376.437.280)	8.640.516.908
Thuế thu nhập cá nhân	-	51.154.098	(7.345.680)	43.808.418
TỔNG CỘNG	44.910.911.923	14.622.287.222	(37.816.928.548)	21.716.270.597

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí xây dựng	69.892.284.760	70.297.902.207
Chi phí hoa hồng môi giới	12.701.410.544	20.297.566.999
Chi phí lãi vay	10.961.016.821	6.214.296.380
Khác	2.030.592.305	3.299.128.000
TỔNG CỘNG	95.585.304.430	100.108.893.586

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn	276.177.108.567	71.095.134.376
Nhận tạm ứng từ CRE & AGI	120.000.000.000	-
Nhận ký quỹ	90.975.753.000	4.725.753.000
Quỹ bảo trì	52.438.412.310	48.234.742.310
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	7.921.981.713	14.490.455.153
Khác	4.840.961.544	3.644.183.913
Dài hạn	6.684.679.621.500	6.041.132.313.462
Phải trả theo HĐHTĐT (*)	6.680.892.747.500	6.027.000.000.000
Nhận ký quỹ	3.786.874.000	14.132.313.462
TỔNG CỘNG	6.960.856.730.067	6.112.227.447.838

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

- (*) Vào ngày 26 tháng 12 năm 2017, Nhóm Công ty đã ký kết HĐHTĐT số 01/HĐHTĐT-E2/2017 có thời hạn 5 năm với Big Gain liên quan đến việc phát triển một phần Dự án The EverRich 2 tọa lạc tại Số 422, Đường Đào Trí, Khu phố 1, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Cũng vào ngày này, Nhóm Công ty đã ký kết HĐHTĐT số 01/HĐHTĐT-E3/2017 có thời hạn 5 năm với Công ty TNHH Dynamic Innovation ("Dynamic") liên quan đến việc phát triển phần chung cư cao tầng của Dự án The EverRich 3 tọa lạc tại Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo các HĐHTĐT này:
- a. Big Gain/Dynamic có nghĩa vụ thanh toán các chi phí mà Nhóm Công ty đã bỏ ra liên quan đến phần dự án hợp tác.
 - b. Các bên có thể nhận được phần lợi nhuận phát sinh từ dự án được phân chia theo tỷ lệ đóng góp tài chính của mỗi bên theo nội dung quyết toán được thống nhất.
 - c. Sau khi Nhóm Công ty được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với khu đất của dự án, Big Gain/Dynamic có quyền chọn mua và Nhóm Công ty có quyền chọn bán 99% lợi ích tham gia của Nhóm Công ty trong hoạt động hợp tác đầu tư này với giá tương đương với 99% giá trị khoản đóng góp thỏa thuận của Nhóm Công ty cộng thêm một khoản thặng dư sẽ được các bên thỏa thuận.
 - d. Khi các điều kiện pháp lý của dự án được đáp ứng theo luật định, Nhóm Công ty có quyền chuyển nhượng phần dự án hợp tác này cho đối tác khác với điều kiện phải hoàn trả đầy đủ các khoản đóng góp của Big Gain/Dynamic cộng với một khoản tiền lãi do các bên thỏa thuận.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền Nhóm Công ty đã nhận được từ Big Gain và Dynamic liên quan đến các HĐHTĐT này lần lượt là 4.655.892.747.500 VND và 2.025.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
	Tăng	Giảm
Vay ngân hàng (*)	- 888.041.037.170	- 888.041.037.170
Vay bên khác	47.196.419.134	(47.196.419.134)
TỔNG CỘNG	47.196.419.134	888.041.037.170

(*) Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất
	VND		%/năm

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

Hợp đồng vay số CIB201812034416/HĐTĐ ngày 9 tháng 3 năm 2018	888.041.037.170	Ngày 14 tháng 3 năm 2019	11
--	-----------------	-----------------------------	----

Khoản vay này được thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của các dự án The EverRich 2 và The EverRich 3 của Nhóm Công ty, quyền sử dụng đất tại Khối Tân Mỹ, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam và quyền phát triển dự án Khu Resort và Spa Marriott Hội An, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam thuộc Công ty Cổ phần Khu Du lịch và Khách sạn Phát Đạt - Quảng Ngãi. Mục đích của khoản vay này nhằm tài trợ cho việc đền bù, giải tỏa, nộp tiền sử dụng đất và chi trả tiền bồi thường cho bên thứ ba trong việc hoàn thiện pháp lý các dự án The EverRich 2 và The EverRich 3.

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Số đầu kỳ	13.004.065.046	8.681.781.478
Tăng	22.000.000.000	14.400.000.000
Giảm	(14.145.919.431)	(4.257.345.200)
Số cuối kỳ	20.858.145.615	18.824.436.278

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 *Tính hình thay đổi vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.018.099.710.000	11.680.300.000	85.413.584.076	288.603.423.375	2.403.797.017.451
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	125.704.292.895	125.704.292.895
Chi cổ tức bằng cổ phiếu	201.809.520.000	-	-	(201.809.520.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	17.300.000.000	(17.300.000.000)	-
Cổ tức công bố	-	-	-	(287.400.000)	(287.400.000)
Thù lao HĐQT	-	-	-	(1.340.000.000)	(1.340.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.219.909.230.000	11.680.300.000	102.713.584.076	179.170.796.270	2.513.473.910.346
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.219.909.230.000	11.680.300.000	102.713.584.076	492.578.373.421	2.826.881.487.497
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	240.730.515.938	240.730.515.938
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(22.000.000.000)	(22.000.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	22.000.000.000	(22.000.000.000)	-
Chi cổ tức bằng cổ phiếu (*)	443.980.840.000	-	-	(443.980.840.000)	-
Thù lao HĐQT	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	2.663.890.070.000	11.680.300.000	124.713.584.076	244.528.049.359	3.044.812.003.435

(*) Vào ngày 2 tháng 5 năm 2018, Công ty đã phát hành 44.398.084 cổ phiếu thường để trả cổ tức bằng cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu với tổng giá trị là 443.980.840.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/ĐHĐCĐ-NQ.2018 ngày 30 tháng 3 năm 2018 và Quyết định số 08/2018/QĐ-HĐQT ngày 4 tháng 4 năm 2018. Vào ngày 5 tháng 6 năm 2018, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 25 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chấp thuận việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 2.219.909.230.000 VND lên 2.663.890.070.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Cổ phiếu phổ thông

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	266.389.007	221.990.923
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	266.389.007	221.990.923
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	266.389.007	221.990.923

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (năm 2017: 10.000 VND).

23.3 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi và thù lao HĐQT) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	240.730.515.938	125.704.292.894
Trừ: Thù lao HĐQT	(800.000.000)	(1.308.521.464)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	<u>(12.036.525.797)</u>	<u>(6.285.214.645)</u>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	227.893.990.141	118.110.556.785
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu) (**)	<u>266.389.007</u>	<u>266.389.007</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu)	<u>855</u>	<u>443</u>
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>855</u>	<u>443</u>

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ này được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2018 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết số 01/ĐHĐCĐ-NQ.2018 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 30 tháng 3 năm 2018.

(**) Tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được điều chỉnh cho việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong năm 2018.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.4 Cổ tức

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
		VND
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong kỳ		
Cổ tức đã công bố trong kỳ	-	287.400.000
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	443.980.840.000	201.809.520.000

24. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
	VND
Tặng do mua các công ty con và số cuối kỳ	<u>65.476.000.000</u>

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
		VND
Doanh thu	453.107.446.715	668.627.952.871
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán căn hộ	368.220.773.464	638.109.180.401
Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.425.123.907	11.022.881.781
Doanh thu bán bất động sản khác	26.461.549.344	19.495.890.689
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(9.680.150.513)	(80.037.238.870)
Hàng bán bị trả lại	(9.538.445.513)	(79.185.116.677)
Giảm giá hàng bán	(141.705.000)	(852.122.193)
DOANH THU THUẦN	443.427.296.202	588.590.714.001
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán căn hộ	365.649.806.533	583.485.669.438
Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.425.123.907	11.022.881.781
Doanh thu bán bất động sản khác	19.352.365.762	(5.917.837.218)
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với bên khác	423.516.485.016	587.630.714.001
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 31)	19.910.811.186	960.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Giá vốn căn hộ đã bán	148.157.020.320	363.197.860.602
Giá vốn bất động sản khác đã bán	13.506.776.600	(1.316.192.600)
Giá vốn dịch vụ cung cấp	2.702.899.914	216.209.757
TỔNG CỘNG	<u>164.366.696.834</u>	<u>362.097.877.759</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí bán hàng	26.346.669.323	46.933.333.081
Chi phí hoa hồng	18.968.225.297	37.092.445.034
Chi phí quảng cáo	4.408.012.434	1.643.167.765
Chi phí lương nhân viên	1.604.651.439	1.207.032.932
Khác	1.365.780.153	6.990.687.350
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35.693.456.526	22.876.586.499
Chi phí lương nhân viên	25.820.621.134	15.202.009.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.805.367.137	3.598.447.767
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.529.834.140	1.095.526.884
Khác	2.537.634.115	2.980.602.790
TỔNG CỘNG	<u>62.040.125.849</u>	<u>69.809.919.580</u>

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí xây dựng	455.167.782.072	211.604.002.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.439.448.685	49.293.500.679
Chi phí lương nhân viên	27.425.272.573	16.409.041.990
Chi phí lãi vay	17.035.298.112	233.121.984.851
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11, 12 và 13)	1.781.579.974	1.095.526.884
Khác	3.645.570.451	3.011.850.027
TỔNG CỘNG	<u>534.494.951.867</u>	<u>514.535.907.024</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Lãi được chia từ HĐHTĐT (Thuyết minh số 8)	65.000.000.000	-
Thu nhập từ thanh lý hợp đồng mua bán căn hộ	-	5.426.294.437
Khác	713.440.237	1.278.182.321
TỔNG CỘNG	65.713.440.237	6.704.476.758

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	43.469.346.728	32.063.000.427
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	69.241.277	73.114.537
TỔNG CỘNG	43.538.588.005	32.136.114.964

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	284.269.103.943	157.840.407.858
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	56.853.820.789	31.556.355.518
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	130.641.096	242.813.182
Lợi nhuận sau thuế được chia theo HĐHTĐT	(13.000.000.000)	-
Điều chỉnh hợp nhất	(445.873.880)	336.946.264
Chi phí thuế TNDN	43.538.588.005	32.136.114.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ kế toán hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong kỳ như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày</i>
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí phải trả	444.203.896	513.445.173	(69.241.277)	(73.114.537)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	444.203.896	513.445.173		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(69.241.277)	(73.114.537)

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty và cá nhân có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty và cá nhân mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty.

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu và phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm và không chịu lãi suất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Đạt	Tổng Giám đốc	Mượn tiền	377.561.382.647	87.782.600.000
		Thanh toán tiền mượn	384.129.856.087	77.531.028.450
		Tạm ứng	14.149.643.913	10.108.442.600
		Hoàn tạm ứng	14.149.643.913	10.108.442.600
Điền Gia Khang	Công ty liên kết	Thu hồi vốn góp	176.000.000.000	-
Phát Đạt Ánh Dương	Công ty liên kết	Thu hồi vốn góp	45.000.000.000	-
Điền Gia Khánh	Công ty liên kết	Thu hồi vốn góp	75.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu Mỹ Lợi	Bên liên quan	Thu hồi vốn góp	51.480.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý BDSC	Bên liên quan	Dịch vụ tư vấn	762.500.000	341.000.000
Trường Phát Lộc	Bên liên quan	Thuê văn phòng	72.000.000	960.000.000
		Chi trả hộ	131.790.908	125.045.454
T.A.M	Bên liên quan	Bán căn hộ	19.838.811.186	-
		Mượn tiền	31.520.000.000	-
		Thanh toán tiền mượn	31.520.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
T.A.M	Bên liên quan	Chuyển nhượng cổ phần	60.000.000.000	60.000.000.000
		Bán căn hộ	21.431.000.000	-
Trường Phát Lộc	Bên liên quan	Thuê văn phòng	1.032.861.577	1.052.081.577
			82.463.861.577	61.052.081.577
Phải thu dài hạn của khách hàng				
T.A.M	Bên liên quan	Chuyển nhượng cổ phần	117.000.000.000	117.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác				
Phú Hưng	Công ty con	Tạm ứng	-	517.908.385.303
T.A.M	Bên liên quan	Thanh lý tài sản cố định	2.550.000.000	-
		Lãi được chia từ HĐHTĐT	-	90.000.000.000
			2.550.000.000	607.908.385.303
Phải thu dài hạn khác				
Trường Phát Lộc	Bên liên quan	Góp vốn theo HĐHTĐT	126.400.000.000	126.400.000.000
T.A.M	Bên liên quan	Góp vốn theo HĐHTĐT	100.939.751.900	100.939.751.900
			227.339.751.900	227.339.751.900
Phải trả ngắn hạn khác				
Ông Nguyễn Văn Đạt	Tổng Giám đốc	Mượn tiền	7.921.981.713	14.490.455.153

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
<i>HĐQT</i>		
Thù lao và thưởng	800.000.000	680.000.000
<i>Ban Tổng Giám đốc</i>		
Lương và thưởng	4.728.000.000	4.077.000.000
TỔNG CỘNG	5.528.000.000	4.757.000.000

32. CAM KẾT ĐẦU TƯ

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Cam kết xây dựng các dự án	31.480.721.372	103.551.925.451
Cam kết góp vốn	27.058.084.832	202.658.084.832
<i>Đoàn Ánh Dương</i>	24.000.000.000	24.000.000.000
<i>Minh Hoàng</i>	3.058.084.832	3.058.084.832
<i>Phát Đạt Ánh Dương</i>	-	113.400.000.000
<i>Phú Hưng</i>	-	49.900.000.000
<i>Diễn Gia Khánh</i>	-	8.300.000.000
<i>Diễn Gia Khang</i>	-	4.000.000.000
TỔNG CỘNG	58.538.806.204	306.210.010.283

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

		
Võ Văn Giáp Người lập	Vũ Quỳnh Hoa Kế toán trưởng	Nguyễn Văn Đạt Tổng Giám đốc



Ngày 14 tháng 8 năm 2018